

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

Số: 257 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 21 tháng 5 năm 2019

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG

TỜ TRÌNH

ĐẾN

Ngày: 23/5/2019

Số: 1640

Chuyển: UBND

Lưu Hồ Sơ: TTr-UBND

Về việc đề nghị thông qua đề án “Đề nghị công nhận
thị trấn Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới,
tỉnh An Giang là đô thị loại IV”

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 6/7/2009;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của UBTVQH về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 15/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-TTg, ngày 26/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Cam-pu-chia đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-TTg, ngày 22/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu An Giang, tỉnh An Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 801/2012/QĐ-TTg, ngày 27/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt đề án QH XD vùng tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh định hướng phát triển hệ thống đô thị thuộc Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27/12/2014;

Căn cứ Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 26/04/2017 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Chợ Mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đến năm 2035;

Căn cứ Công văn số 537/STP-XDKT ngày 17/5/2019 của Sở Tư pháp về việc ý kiến đối với đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 1387/SXD-PTĐT ngày 17/5/2019 và UBND huyện Chợ Mới tại Tờ trình 625/TTr-UBND ngày 24/4/2019 về việc đề nghị thông qua đề án Đề nghị công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là đô thị loại IV. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh An Giang xem xét, thông qua đề án “Đề nghị công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là đô thị loại IV” với những nội dung chủ yếu như sau:

I. Sự cần thiết lập Đề án

Tỉnh An Giang là một tỉnh nằm ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, gồm có 11 đơn vị hành chính trực thuộc: 02 thành phố là Long Xuyên và Châu Đốc và 9 huyện (Châu Thành, Thoại Sơn, Chợ Mới, Phú Tân, Châu Phú, Tân Châu, An Phú, Tri Tôn, Chợ Mới).

Chợ Mới là huyện cù lao của tỉnh An Giang, có diện tích tự nhiên là 369,06 km², được bao bọc bởi sông Tiền, sông Hậu, với hệ thống sông, rạch chằng chịt, cung cấp nguồn nước ngọt phong phú, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của nhân dân và còn là đường giao thông thuận lợi cho việc đi lại.

Huyện Chợ Mới có 02 thị trấn là Chợ Mới, thị trấn Mỹ Luông và 16 xã Kiến An, Kiến Thành, Long Giang, Mỹ Hội Đông, Nhơn Mỹ, Long Điền A, Long Điền B, Long Kiến, An Thạnh Trung, Hòa Bình, Hòa An, Mỹ An, Hội An, Tân Mỹ, Mỹ Hiệp, Bình Phước Xuân.

Thị trấn Chợ Mới là đô thị huyện lỵ, trung tâm hành chính, chính trị huyện Chợ Mới được xác định là một trong 02 đô thị trung tâm của tiểu vùng (Tx. Tân Châu và đô thị Chợ Mới).

Quy hoạch chung đô thị Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đến năm 2035 được phê duyệt theo Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh An Giang, theo đó khu vực thị trấn Chợ Mới sẽ được đầu tư mở rộng phạm vi đô thị hóa sang một phần các xã phụ cận bao gồm: xã Long Điền A (lấy ấp Long Hòa 2 và một phần ấp Long Hòa 1), xã Long Điền B (lấy ấp Long Phú 2), xã Kiến Thành (lấy các ấp: Long Hạ, Long Bình, Hòa Hạ, ấp Long Thượng, một phần Phú Thượng 1, ấp Phú Thượng 2, ấp

Hòa Trung, ấp Hòa Thượng) và xã Kiến An (lấy đến các ấp: Phú Hạ 1, một phần ấp Kiến Quới 1, Phú Hạ 2); diện tích 1.929,37 ha; dân số 50.279 người.

Trong những năm gần đây, đảng bộ và chính quyền nhân dân các cấp đã tập trung đầu tư, xây dựng và phát triển đô thị Chợ Mới, đến nay hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội đã và đang được đầu tư, cơ bản đáp ứng ngày một tốt hơn cho sự phát triển kinh tế, xã hội của đô thị.

Thị trấn Chợ Mới mở rộng có thể mạnh là Thương mại – Dịch vụ, nguồn lực thúc đẩy KT-XH đô thị phát triển. Ngoài ra, thị trấn Chợ Mới còn là trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nuôi trồng thủy sản; phát triển du lịch.

Thị trấn Chợ Mới mở rộng có tính lộ 942 kết nối các đô thị dọc bờ Tây sông Tiền, tuyến giao thông quốc gia N1 qua, cùng các tuyến đường thủy quan trọng kết nối các cảng nước sâu trong tương lai.

Năm 2018, đô thị Chợ Mới đã thu hút hơn 40 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và đầu tư nhiều công trình trọng điểm thúc đẩy KT-XH phát triển: Nhà Thiếu nhi huyện, hồ bơi, nâng cấp đường Nguyễn Hữu Cánh, đường dẫn cầu ông Chường, đường Lê Lợi. Trên địa bàn đô thị có nhiều dự án đã và đang được đầu tư như: Quy hoạch chi tiết khu Đông đường Nguyễn Hữu Cánh; Quy hoạch khu hành chính mới huyện Chợ Mới.

Theo quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 7/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020; Quyết định số 3777/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030 đều xác định nâng cấp đô thị Chợ Mới lên đô thị loại IV trước năm 2020.

Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chung đô thị Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đến năm 2035 đã xác định tính chất đô thị Chợ Mới là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, thương mại dịch vụ của huyện Chợ Mới và là đô thị trung tâm tiểu vùng II - trung tâm đầu mối, cung cấp dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp - thủy sản tỉnh An Giang.

Với vai trò và vị trí quan trọng như trên, việc đề nghị công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV là rất cần thiết, phù hợp với định hướng quy hoạch kinh tế xã hội, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Chợ Mới. Đây là cơ sở góp phần phát huy được sức mạnh tổng hợp, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, và tạo sức lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tiếp tục phấn đấu đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị cao hơn, nâng cao chất lượng sống của cư dân đô thị và phát triển kinh tế.

II. Đánh giá các yếu tố cơ bản phân loại đô thị thị trấn Chợ Mới mở rộng

Đối chiếu với Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc phân loại đô thị.

Xét tổng quan thị trấn Chợ Mới mở rộng đã có những bước phát triển cơ bản hội đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại IV, với 5 tiêu chí đã đạt được như sau: *(Đính kèm bảng tổng hợp tiêu chí, đánh giá).*

1. Tiêu chí: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế – xã hội đạt: **15,54/20 điểm.**
2. Tiêu chí: Quy mô dân số đạt: **7,51/8,0 điểm.**
3. Tiêu chí: Mật độ dân số đạt: **6,0/6,0 điểm.**
4. Tiêu chí: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt: **5,07/6,0 điểm.**
5. Tiêu chí: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị đạt: **46,95/60,0 điểm.**

Tóm lại: Tổng hợp tiêu chuẩn phân loại đô thị theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc phân loại đô thị, thị trấn Chợ Mới mở rộng là đô thị loại IV với tổng số điểm là **81,07 điểm.**

(Theo quy định tại Điểm 3, Điều 10, Chương III Nghị quyết số 1210/UBTVQH ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì đô thị được công nhận loại đô thị khi các tiêu chí đạt mức tối thiểu và tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 75 điểm trở lên).

III. Kết luận và kiến nghị

Đề án đề nghị công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là đô thị loại IV cơ bản đã tuân thủ theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc phân loại đô thị.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua đề án công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là đô thị loại IV, làm cơ sở trình Bộ Xây dựng thẩm định đề án và Quyết định công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng là đô thị loại IV. /.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: KH&ĐT, XD, TN&MT, NV;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, TH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
QUYỀN CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU PHÂN LOẠI ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
THỊ TRẤN CHỢ MỚI MỞ RỘNG, HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG LÀ ĐÔ THỊ LOẠI IV
(Đính kèm Tờ trình số 257/TTr-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh An Giang)

TT	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại IV		Hiện trạng 2018	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		15,00	20,00				15,54
1.1	Vị trí, chức năng, vai trò		3,75	5,00	Là DT thuộc Tỉnh, trung tâm chuyên ngành cấp Tỉnh, trung tâm tổng hợp cấp huyện	Là DT trực thuộc Tỉnh, trung tâm tổng hợp cấp Tỉnh; hoặc DT trực thuộc TP trực thuộc TW	Là DT hạt nhân vùng 2 của tỉnh, kết nối hành lang phía Đông của tỉnh	3,75
1.2	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		11,25	15,00				11,79
1.2.1	Cân đối thu chi ngân sách		1,50	2,00	Đủ	Dư	Dư	2,00
1.2.2	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước	lần	2,25	3,00	0,7	1,05	0,95	2,79
1.2.3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế		2,25	3,00	Tăng tỷ trọng CN, XD hoặc tăng tỷ trọng DV giảm nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra (1)	Tăng tỷ trọng CN, XD, DV, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra (2)	Tăng tỷ trọng CN, XD, DV	3,00

TT	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của ĐT loại IV		Hiện trạng 2018	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
1.2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	1,50	2,00	5,5	6	6,50	2,00
1.2.5	Tỷ lệ hộ nghèo	%	1,50	2,00	9	7	2,35	2,00
1.2.6	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm	%	2,25	3,00	1	1,4	0,98	0,00
II	Quy mô dân số		6,00	8,00				7,51
2.1	Dân số toàn đô thị	1000 người	1,50	2,00	50	100	50,7	1,51
2.2	Dân số nội thị	1000 người	4,50	6,00	20	50	50,7	6,00
III	Mật độ dân số		4,50	6,00				6,00
3.1	Mật độ dân số toàn đô thị	người/km ²	1,00	1,50	1200	1400	2628	1,50
3.2	Mật độ dân số khu vực nội thị	người/km ²	3,50	4,50	4000	6000	12426	4,50
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp		4,50	6,00				5,07
4.1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	1,00	1,50	55	65	70,7	1,50
4.2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	3,50	4,50	70	80	70,7	3,57
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị		45,00	60,00				46,95
5.1	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội		7,50	10,00				5,49
5.1.1	Các tiêu chuẩn về nhà ở		1,50	2,00				0,85
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	m ² sàn/người	0,75	1,00	26,5	29	15,85	0,00
2	Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thị	%	0,75	1,00	85	90	86,6	0,85
5.1.2	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng		6,00	8,00				4,64
1	Chỉ tiêu đất dân dụng	m ² /người	0,75	1,00	61	78	70,6	0,89
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị	m ² /người	0,75	1,00	3	4	1,78	0,00

TT	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại IV		Hiện trạng 2018	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở	m ² /người	0,75	1,00	1	1,5	0,89	0,00
4	Cơ sở y tế cấp đô thị	giường/1000ng	0,75	1,00	2,4	2,8	2,96	1,00
5	Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị	cơ sở	0,75	1,00	2	4	2	0,75
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	2	4	1	0,00
7	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	2	3	3	1,00
8	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	2	4	4	1,00
5.2	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật		10,50	14,00				11,41
5.2.1	Các tiêu chuẩn về giao thông		4,50	6,00				4,68
1	Đầu mối giao thông	cấp	1,50	2,00	Vùng liên huyện	Vùng tỉnh	Vùng tỉnh	2,00
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	%	0,75	1,00	12	17	15,53	0,93
3	Mật độ đường giao thông (MC lòng đường $\geq 7,5m$)	km/km ²	0,75	1,00	6	8	2,50	0,00
4	Diện tích đất giao thông/dân số	m ² /người	0,75	1,00	7	9	12,49	1,00
5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	0,75	1,00	3	5	3,00	0,75
5.2.2	Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng		2,25	3,00				2,73
1	Cấp điện sinh hoạt	kwh/ng/năm	0,75	1,00	350	500	747	1,00
2	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	0,75	1,00	90	95	93,3	0,92
3	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng	%	0,75	1,00	50	70	55,0	0,81
5.2.3	Các tiêu chuẩn về cấp nước		2,25	3,00				2,00
1	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt nội thị	l/ng.ngđ	0,75	1,00	100	120	61,5	0,00

TT	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại IV		Hiện trạng 2018	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
2	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch khu vực đô thị	%	1,50	2,00	90	95	95,1	2,00
5.2.4	Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông		1,50	2,00				2,00
1	Số thuê bao internet (băng rộng cố định và di động)	thuê bao int/100ng	0,75	1,00	15	20	25,6	1,00
2	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động/dân số	%	0,75	1,00	90	95	100,0	1,00
5.3	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường		10,50	14,00				10,80
5.3.1	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng		2,25	3,00				2,30
1	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	1,50	2,00	3	3,5	3,05	1,55
2	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	%	0,75	1,00	Có giải pháp	Đang thực hiện	Có giải pháp	0,75
5.3.2	Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải		3,75	5,00				3,75
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	0,75	1,00	70	85	95,00	1,00
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	0,75	1,00	15	25	15,0	0,75
3	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom	%	0,75	1,00	70	80	95,0	1,00
4	Tỷ lệ CTR được xử lý hợp vệ sinh	%	0,75	1,00	65	70	30,0	0,00
5	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	0,75	1,00	90	95	95	1,00
5.3.3	Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ		1,50	2,00				0,75
1	Nhà tang lễ	cơ sở	0,75	1,00	Có dự án	1	Chưa có dự án	0,00
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	0,75	1,00	5	10	5	0,75
5.3.4	Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị		3,00	4,00				4,00
1	Đất cây xanh toàn đô thị	m ² /người	1,50	2,00	5	7	6,99	2,00

TT	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại IV		Hiện trạng 2018	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
2	Đất cây xanh công cộng khu vực đô thị	m ² /người	1,50	2,00	4	5	6,59	2,00
5.4	<i>Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị</i>		7,50	10,00				7,25
1	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị		1,50	2,00	Đã có quy chế	Đã có quy chế tối thiểu 2 năm	Chưa có quy chế	0,00
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh/tổng số đường chính	%	1,50	2,00	30	40	73,3	2,00
3	Số lượng dự án cải tạo chỉnh trang đô thị	dự án	1,50	2,00	Có dự án	1	Đã thực hiện	2,00
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	khu	1,50	2,00	2	4	3	1,75
5	Công trình kiến trúc tiêu biểu		1,50	2,00	Cấp tỉnh	Quốc gia	Cấp tỉnh	1,50
5.5	<i>Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thị</i>		9,00	12,00				12,00
	Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị		75,00	100,00				81,07

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Về việc đề nghị thông qua đề án “Đề nghị công nhận
thị trấn Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới,
tỉnh An Giang là đô thị loại IV”**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH12 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc thông qua Đề án “Đề nghị công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng
huyện Chợ Mới tỉnh An Giang là đô thị loại IV”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh
tế ngân sách và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua đề án “Đề nghị công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng huyện
Chợ Mới tỉnh An Giang là đô thị loại IV”, có đề án kèm theo.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ và các thủ tục có liên
quan trình Bộ Xây dựng theo quy định, có lộ trình cụ thể để thực hiện các tiêu chuẩn
chưa đạt.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp lần
thứ 11 thông qua ngày tháng năm 2019 có hiệu lực kể từ ngày tháng năm
2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ; Bộ Xây dựng;
- Vụ 4 – Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND,
UBND, UBMTTQ tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Website tỉnh, Báo AG, Đài PTTH AG,
Phân xã AG;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 537/STP-XDKT

An Giang, ngày 17 tháng 5 năm 2019

V/v ý kiến đối với đề nghị thẩm định
dự thảo Nghị quyết của Hội đồng
nhân dân tỉnh

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

Kính gửi: Sở Xây dựng

ĐẾN SỞ
Ngày: 20-05-2019

Chuyên: P. PTĐT
Lưu hồ sơ số: Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1197/SXD-PTĐT ngày 26/4/2019 của Sở Xây dựng về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, do đây là Nghị quyết cá biệt do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, do đó Tư pháp có ý kiến góp ý như sau:

1. Thẩm quyền ban hành văn bản

Điều 12 và Điều 13 Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 quy định:

“Điều 12. Lập đề án phân loại đô thị

1. Trách nhiệm lập đề án phân loại đô thị:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập đề án phân loại đô thị cho các đô thị loại đặc biệt và loại I là thành phố trực thuộc trung ương;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập đề án phân loại đô thị cho các đô thị loại I là thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, đô thị loại II, loại III, loại IV, loại V. ...

Điều 13. Trình tự, thủ tục phân loại đô thị

1. Trách nhiệm thẩm định đề án phân loại đô thị:

a) Bộ Xây dựng tổ chức thẩm định đề án phân loại đô thị đối với đô thị loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III và loại IV.

b) Sở Xây dựng tổ chức thẩm định đề án phân loại đô thị loại V.

...

3. Đề án trình thẩm định gồm tờ trình của Ủy ban nhân dân và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân có thẩm quyền; đề án phân loại đô thị; các văn bản pháp lý có liên quan. ...”

Căn cứ các quy định trên, việc Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang là đô thị loại III và Đề án đề nghị công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang là đô thị loại IV là **đúng thẩm quyền**.

2. Dự thảo Nghị quyết

Do đây là Nghị quyết cá biệt do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo tham khảo Thông tư số 01/2011/TT-BNV.

Nội dung Đề án đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp với đơn vị lập Đề án xác định các tiêu chí đảm bảo theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Tư pháp kính gửi quý cơ quan././

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, XDKT.

GIÁM ĐỐC



Cao Thanh Sơn

Số: 09 /NQ-HĐND

Chợ Mới, ngày 01 tháng 8 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về việc đề nghị công nhận đô thị Chợ Mới mở rộng,
huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 8
(Ngày 01 tháng 8 năm 2018)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030;

Sau khi xem xét Tờ trình số 820/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện “Về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận đô thị Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV”; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua “Đề án đề nghị công nhận đô thị Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV”, với những nội dung chủ yếu sau: (Kèm theo Đề án).

- Kết quả đánh giá 5 tiêu chí đạt 80,98 điểm/100 điểm, cụ thể:

+ Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 16,04 điểm/20,00 điểm.

+ Tiêu chí 2: Quy mô dân số đạt 6,13 điểm/8,00 điểm.

+ Tiêu chí 3: Mật độ dân số đạt 6,00 điểm/6,00 điểm.

+ Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 5,73 điểm/6,00 điểm.

+ Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt 46,70 điểm/60,00 điểm.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chợ Mới khóa XI, nhiệm kỳ 2016 – 2021, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 01 tháng 8 năm 2018 và có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày thông qua. /*Lưu*

Nơi nhận:

- TT.HĐND-UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Thường trực Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XI;
- Thường trực HĐND, UBND thị trấn Chợ Mới;
- Lưu: VT, HĐND.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

BÁO CÁO TÓM TẮT

**ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN THỊ TRẤN CHỢ MỚI
MỞ RỘNG, HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG
ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV**

Tháng 5/2019

MỤC LỤC

I. Lý do, sự cần thiết đề nghị công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV	3
II. Cơ sở đề nghị công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV	4
II.1. Phương pháp đánh giá, xếp loại đô thị	4
II.2. Đánh giá các tiêu chí cơ bản phân loại thị trấn Chợ Mới mở rộng	5
II.2.1. Tiêu chí 1 : Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đô thị	5
II.2.2. Tiêu chí 2: Quy mô dân số	6
II.2.3. Tiêu chí 3: Mật độ dân số	6
II.2.4. Tiêu chí 4 : Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	6
II.2.5. Tiêu chí 5 : Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	7
II.3. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị thị trấn Chợ Mới mở rộng.	12
II.4. Những chỉ tiêu chưa đạt và các biện pháp khắc phục	12
II.4.1. Các chỉ tiêu chưa đạt so với tiêu chuẩn của đô thị loại IV	12
II.4.2. Các biện pháp khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt theo tiêu chí đô thị loại IV	13
III. Kết luận và kiến nghị	16

CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 6/7/2009;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, ngày 15/7/2015;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của UBTVQH về phân loại đô thị
- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050;
- Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020.
- Quyết định số 758/2009 ngày 8/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2020.
- Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 29/06/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng Biên giới Việt Nam - Campuchia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- Quyết định số 245/QĐ-TTg ngày 12/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
- Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 15/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 801/2012/QĐ-TTg, ngày 27/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020.
- Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt đồ án QHXD vùng tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh định hướng phát triển hệ thống đô thị thuộc Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27/12/2014;
- Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 26/04/2017 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Chợ Mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đến năm 2035.
- Các văn bản khác có liên quan.

I. Lý do, sự cần thiết đề nghị công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV

Tỉnh An Giang là một tỉnh nằm ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, gồm có 11 đơn vị hành chính trực thuộc: 02 thành phố là Long Xuyên và Châu Đốc và 9 huyện (Châu Thành, Thoại Sơn, Chợ Mới, Phú Tân, Châu Phú, Tân Châu, An Phú, Tri Tôn, Chợ Mới).

Chợ Mới là huyện cù lao của tỉnh An Giang, có diện tích tự nhiên là 369,06 km², được bao bọc bởi sông Tiền, sông Hậu, với hệ thống sông, rạch chằng chịt, cung cấp nguồn nước ngọt phong phú, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của nhân dân và còn là đường giao thông thuận lợi cho việc đi lại.

Huyện Chợ Mới có 02 thị trấn là Chợ Mới, thị trấn Mỹ Luông và 16 xã Kiến An, Kiến Thành, Long Giang, Mỹ Hội Đông, Nhơn Mỹ, Long Điền A, Long Điền B, Long Kiến, An Thạnh Trung, Hòa Bình, Hòa An, Mỹ An, Hội An, Tân Mỹ, Mỹ Hiệp, Bình Phước Xuân.

Thị trấn Chợ Mới là đô thị huyện lỵ, trung tâm hành chính, chính trị huyện Chợ Mới được xác định là một trong 02 đô thị trung tâm của tiểu vùng (Tx. Tân Châu và đô thị Chợ Mới).

Quy hoạch chung đô thị Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đến năm 2035 được phê duyệt theo Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh An Giang, theo đó khu vực thị trấn Chợ Mới được đầu tư mở rộng phạm vi đô thị hóa sang một phần các xã phụ cận bao gồm: xã Long Điền A (lấy ấp Long Hòa 2 và một phần ấp Long Hòa 1), xã Long Điền B (lấy ấp Long Phú 2), xã Kiến Thành (lấy các ấp: Long Hạ, Long Bình, Hòa Hạ, ấp Long Thượng, một phần Phú Thượng 1, ấp Phú Thượng 2, ấp Hòa Trung, ấp Hòa Thượng) và xã Kiến An (lấy đến các ấp: Phú Hạ 1, một phần ấp Kiến Quới 1, Phú Hạ 2); tổng diện tích thị trấn mở rộng là 1.929,37 ha; dân số 50.279 người.

Trong những năm gần đây, đảng bộ và chính quyền nhân dân các cấp đã tập trung đầu tư, xây dựng và phát triển đô thị Chợ Mới, đến nay hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội đã và đang được đầu tư, cơ bản đáp ứng ngày một tốt hơn cho sự phát triển kinh tế, xã hội của đô thị.

Thị trấn Chợ Mới mở rộng có thế mạnh là Thương mại – Dịch vụ, nguồn lực thúc đẩy KT-XH đô thị phát triển. Ngoài ra; thị trấn Chợ Mới còn là trung

tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nuôi trồng thủy sản; phát triển du lịch.

Thị trấn Chợ Mới mở rộng có tính lộ 942 kết nối các đô thị dọc bờ Tây sông Tiền, tuyến giao thông quốc gia N1 qua, cùng các tuyến đường thủy quan trọng kết nối các cảng nước sâu trong tương lai.

Năm 2018, đô thị Chợ Mới đã thu hút hơn 40 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và đầu tư nhiều công trình trọng điểm thúc đẩy KT-XH phát triển: Nhà Thiếu nhi huyện, hồ bơi, nâng cấp đường Nguyễn Hữu Cánh, đường dẫn cầu ông Chưởng, đường Lê Lợi. Trên địa bàn đô thị có nhiều dự án đã và đang được đầu tư như: Quy hoạch chi tiết khu Đông đường Nguyễn Hữu Cánh; Quy hoạch khu hành chính mới huyện Chợ Mới.

Theo quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 7/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020; Quyết định số 3777/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030 đều xác định nâng cấp đô thị Chợ Mới lên đô thị loại IV trước năm 2020.

Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chung đô thị Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đến năm 2035 đã xác định tính chất đô thị Chợ Mới là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, thương mại dịch vụ của huyện Chợ Mới và là đô thị trung tâm tiểu vùng II - trung tâm đầu mối, cung cấp dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp - thủy sản tỉnh An Giang.

Với vai trò và vị trí quan trọng như trên, việc đề nghị công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV là rất cần thiết, phù hợp với định hướng quy hoạch kinh tế xã hội, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Chợ Mới.

II. Cơ sở đề nghị công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV

II.1. Phương pháp đánh giá, xếp loại đô thị

Trên cơ sở hiện trạng các tiêu chuẩn thuộc 5 nhóm tiêu chí cơ bản để phân loại đô thị, đối chiếu so sánh với các chỉ tiêu quy định cho mỗi loại đô thị theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị.

II.2. Đánh giá các tiêu chí cơ bản phân loại thị trấn Chợ Mới mở rộng

II.2.1. Tiêu chí 1 : Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đô thị

a) Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò của đô thị

- Thị trấn Chợ Mới mở rộng là trung tâm huyện lỵ, trung tâm văn hóa, hành chính, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, đầu mối giao thông của huyện Chợ Mới.

- Thị trấn Chợ Mới mở rộng nằm trên các tuyến giao thông huyết mạch: QL 80B được quy hoạch với lộ giới 17m sẽ kết nối về phía Nam với Đồng Tháp, về phía Bắc đến cửa khẩu QT Vĩnh Xương; ngoài ra đường tỉnh 942; đường tỉnh 946 kết nối về phía Nam với TP Long Xuyên; là tiềm năng quan trọng thúc đẩy sự thông thương, phát triển kinh tế của thị trấn Chợ Mới mở rộng.

- Thị trấn Chợ Mới mở rộng là đô thị huyện lỵ, trung tâm hành chính, chính trị huyện Chợ Mới được xác định là một trong 02 đô thị trung tâm của tiểu vùng (Tx. Tân Châu và đô thị Chợ Mới) với các chức năng quan trọng như: là đô thị hạt nhân Vùng 2; là đô thị loại IV; là trung tâm phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản (phát triển kinh tế vườn, cây ăn trái, lúa, rau màu,...); phát triển du lịch cảnh quan sông nước và vùng đồng lũ, tham quan di tích lịch sử văn hóa, làng nghề.

Với thực trạng trên, bằng phương pháp đánh giá chỉ tiêu về vị trí, chức năng, vai trò của đô thị, đạt 3,75/5,0 điểm.

b) Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Chợ Mới mở rộng năm 2018 đạt 48,88 tỷ đồng. Chi ngân sách địa phương năm 2018 trên địa bàn là 45,07 tỷ đồng. Cân đối thu chi ngân sách thị trấn Chợ Mới mở rộng đảm bảo cân đối dư, đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 đạt 58,93 triệu đồng/người, bằng 0,95 lần thu nhập bình quân đầu người trên cả nước (chỉ tiêu đối với đô thị loại IV từ 0,7-1,05 lần); đánh giá đạt 2,79/3,0 điểm.

- Tốc độ tăng trưởng các lĩnh vực giai đoạn 2016-2018: công nghiệp – xây dựng tăng 9,99%; thương mại – dịch vụ tăng 12,26%; nông-lâm-ngư nghiệp tăng 6,84%. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng Thương mại – Dịch vụ và Công nghiệp – Xây dựng, giảm tỷ trọng Nông – Lâm – Ngư nghiệp. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

- Mức tăng trưởng kinh tế trung bình giai đoạn 2016-2018 đạt 6,5% (chỉ tiêu đối với đô thị loại IV từ 5,5-6%); đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2018 trên địa bàn thị trấn Chợ Mới mở rộng đạt 2,35% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 9-7%); đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

- Mức tăng dân số trung bình hàng năm là 0,98% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 1-1,4%); đánh giá chưa đạt 0,0/3,0 điểm.

*** Đánh giá nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội đạt 11,79/15 điểm.**

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí 1: vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đô thị, đạt 15,54/20 điểm.**

II.2.2. Tiêu chí 2: Quy mô dân số

Theo số liệu thống kê mới nhất, dân số thường trú trên địa bàn thị trấn Chợ Mới mở rộng là 50.279 người. Dân số tạm trú quy đổi là 433 người.

Tổng dân số toàn thị trấn Chợ Mới mở rộng là 50.712 người (gồm dân số thường trú và tạm trú quy đổi), đạt so với quy định từ 50.000-100.000 người; đánh giá đạt 1,51/2,0 điểm.

Thị trấn không có ngoại thị, dân số nội thị là dân số toàn thị trấn Chợ Mới mở rộng là 50.712 người, chỉ tiêu 20.000 đến 50.000 người; đánh giá đạt 6,0/6,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí quy mô dân số: Đạt 7,51/8,0 điểm.**

II.2.3. Tiêu chí 3: Mật độ dân số

Mật độ dân số đô thị phản ánh mức độ tập trung dân cư của đô thị. Dân số thị trấn Chợ Mới mở rộng đã tính quy đổi là 50.712 người. Tổng diện tích đất tự nhiên của thị trấn Chợ Mới mở rộng là 19,29 km²; diện tích đất xây dựng đô thị là 4,08 km².

Mật độ dân số trung bình toàn đô thị là 50.712 người/19,29 km², đạt 2.628 người/km², chỉ tiêu quy định từ 1.200 đến 1.400 người/km², đánh giá đạt 1,5/1,5 điểm.

Mật độ dân số khu vực nội thị trên diện tích đất xây dựng đô thị là 50.712 người/4,08 km², đạt 12.426 người/km², chỉ tiêu quy định từ 4.000 đến 6.000 người/km², đánh giá đạt 4,5/4,5 điểm.

*** Đánh giá tiêu chí mật độ dân số: Đạt 6,0/6,0 điểm.**

II.2.4. Tiêu chí 4 : Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

Tổng số lao động đang làm việc phân theo khu vực trên địa bàn thị trấn Chợ Mới mở rộng là 28.912 người, trong đó lao động đang làm việc trong ngành thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng là 20.451 người; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị là 20.451/28.912 người, đạt 70,7%, chỉ tiêu quy định từ 55%-65%, đánh giá đạt 1,50/1,50 điểm.

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị là 70,7%, chỉ tiêu quy định từ 70%-80%, đánh giá đạt 3,57/4,5 điểm.

*** Đánh giá tiêu chí tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Đạt 5,07/6,0 điểm.**

II.2.5. Tiêu chí 5 : Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị

II.2.5.1. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội

a) Các tiêu chuẩn về nhà ở

- Trên địa bàn thị trấn tính đến năm 2018 có 12.162 căn nhà, 803.983 m² sàn. Diện tích bình quân đầu người là 803.983 m² sàn/50.712 người, đạt 15,85 m² sàn/người (chỉ tiêu 26,5-29 m² sàn/người); đánh giá chưa đạt 0,0/1,0 điểm.

- Số công trình nhà ở kiên cố, bán kiên cố toàn đô thị là 10.532/12.162 căn nhà, chiếm tỷ lệ 87% (chỉ tiêu 85-90%); đánh giá đạt 0,85/1,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chuẩn về nhà ở: Đạt 0,85/2,0 điểm.**

b) Các tiêu chuẩn về công trình công cộng

- Diện tích đất dân dụng đô thị là 358,14 ha, bình quân đất dân dụng trên dân số nội thị dự kiến là 3.581.394 m²/50.712 người, đạt 70,6 m²/người (chỉ tiêu 61-78 m²/người); đánh giá đạt 0,89/1,0 điểm.

- Hệ thống công trình dịch vụ công cộng đô thị gồm các công trình giáo dục trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, bệnh viện, văn hóa, thương mại dịch vụ cấp đô thị... có tổng diện tích 90.447 m², bình quân đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng đô thị là 90.447 m²/50.712 người, đạt 1,78 m²/người (chỉ tiêu 3-4 m²/người); đánh giá chưa đạt 0,0/1,0 điểm.

- Hệ thống công trình công cộng cấp đơn vị ở gồm hệ thống các công trình như: trường mầm non, tiểu học, THCS, trạm y tế, thương mại dịch vụ cấp đơn vị ở... có tổng diện tích 45.188 m², bình quân đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở là 45.188 m²/50.712 người, đạt 0,89 m²/người (chỉ tiêu 1,0-1,5 m²/người); đánh giá chưa đạt 0,0/1,0 điểm.

- Các cơ sở y tế trên địa bàn có Trung tâm y tế huyện Chợ Mới (quy mô 150 giường). Bình quân số lượng giường bệnh trên dân số đô thị là 150*1000/50.712 người, đạt 2,96 giường/1.000 người (chỉ tiêu 2,4-2,8 giường/1.000 người); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

- Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị: thị trấn Chợ Mới mở rộng hiện có 02 cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị là trường THPT Nguyễn Hữu Cánh, trường Trung cấp Kỹ thuật – Công nghệ An Giang (cơ sở 2) (yêu cầu từ 2-4 cơ sở); đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.

- Công trình văn hóa cấp đô thị: thị trấn Chợ Mới mở rộng có 01 công trình văn hóa đạt cấp đô thị là Trung tâm văn hóa thể thao huyện Chợ Mới (yêu cầu từ 02-04 công trình); đánh giá chưa đạt 0,0/1,0 điểm.

- Công trình Thể dục thể thao cấp đô thị: thị trấn Chợ Mới mở rộng hiện có nhiều cụm công trình TDTT phục vụ dân cư, với Sân vận động huyện Chợ Mới; trung tâm văn hóa thể thao huyện Chợ Mới; hồ bơi sóng xanh; cụm sân bóng chuyền, cầu lông, quần vợt ... (yêu cầu từ 02-03 công trình); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

- Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị: thị trấn Chợ Mới mở rộng hiện có 04 công trình gồm: Chợ thị trấn Chợ Mới; Trung tâm thương mại; Trung tâm điện máy xanh và thể giới di động, (yêu cầu từ 02-04 công trình); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

Tổng cộng đánh giá tiêu chuẩn các tiêu chuẩn về công trình công cộng đạt 4,64/8,0 điểm

Tổng cộng đánh giá tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội: Đạt 5,49/8,0 điểm.

II.2.5.2. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật

a) Các tiêu chuẩn về giao thông

- Đầu mối giao thông: thị trấn Chợ Mới mở rộng là đô thị trung tâm huyện lỵ huyện Chợ Mới; nằm trên các tuyến giao thông huyết mạch: Đường tỉnh 942 kết nối trực cù lao phía Đông của thị xã Tân Châu, thị trấn Chợ Mới, thị trấn Mỹ Luông và đô thị Hội An; đường tỉnh 946 kết nối về phía Nam với TP Long Xuyên. Là tiềm năng quan trọng thúc đẩy sự thông thương, phát triển kinh tế (yêu cầu đối với đô thị loại IV tối đa là đầu mối giao thông vùng tỉnh); đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

- Tổng diện tích đất giao thông khu vực đô thị là 63,36 ha; diện tích đất xây dựng đô thị là 408,1 ha. Tỷ lệ diện tích đất giao thông khu vực đô thị trên đất xây dựng đô thị là $(63,36/408,1) \times 100\%$, đạt 15,53 % (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 12-17%); đánh giá đạt 0,93/1,0 điểm.

- Tổng chiều dài mạng lưới đường giao thông chính đô thị là 10,19 km (tính đến đường có chiều rộng lòng đường $\geq 7,5\text{m}$), tổng diện tích đất xây dựng đô thị là 408,1 ha. Mật độ đường chính trên đất xây dựng đô thị là $10,19 \text{ km} / 4,08 \text{ km}^2$, đạt $2,5 \text{ km} / \text{km}^2$ (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 6-8 km / km^2); đánh giá chưa đạt 0,0/1,0 điểm.

- Diện tích đất giao thông chính khu vực đô thị là 63,36 ha; bình quân diện tích đất giao thông trên dân số đô thị là $633.600 \text{ m}^2 / 50.712 \text{ người}$, đạt $12,49 \text{ m}^2 / \text{người}$ (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 7 đến 9 $\text{m}^2 / \text{người}$); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

- Về vận tải công cộng, trên địa bàn hiện có bến xe thị trấn Chợ Mới và bến xe tải thị trấn Chợ Mới với tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt trên 3% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 3% đến 5%); đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá các tiêu chuẩn về giao thông: Đạt 4,68/5,0 điểm.**

b) Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng

- Tổng sản lượng điện năng tiêu dùng khu vực đô thị là 37.901.697 KWh; sản lượng điện năng tiêu thụ bình quân đầu người là 37.901.697 /50.712 đạt 747 kwh/người/năm (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 350 đến 500 kwh/người/năm); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

- Các tuyến đường chính của đô thị, khu vực công cộng đã được đầu tư hệ thống chiếu sáng, có 14/15 tuyến đường chính được chiếu sáng, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 93,3% (chỉ tiêu 90-95%); đánh giá đạt 0,92/1,0 điểm.

- Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng khu vực đô thị đạt khoảng 55% (chỉ tiêu đối với đô thị loại IV từ 50-70%); đánh giá đạt 0,81/1,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá các tiêu chuẩn về cấp điện, chiếu sáng công cộng: 2,73/3,0 điểm**

c) Các tiêu chuẩn về cấp nước

- Tổng công suất cấp nước cho thị trấn Chợ Mới mở rộng khoảng 4.000 m³/ngđ. Tỷ lệ thất thoát 22%, cơ bản đáp ứng nhu cầu nước sạch của người dân khu vực.

- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt khu vực đô thị hiện nay đạt 61,5 lít/người/ngày; chỉ tiêu từ 100 đến 120 lít/người/ngày; đánh giá chưa đạt 0,0/1,0 điểm.

- Tỷ lệ người dân khu vực đô thị được cấp nước từ nhà máy đạt 95,1%, tỷ lệ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh là 99,0% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 90% đến 95%); đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá các tiêu chuẩn về cấp nước: Đạt 2,0/3,0 điểm.**

d) Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông

- Tổng dung lượng thuê bao internet bao gồm cả cố định và di động đạt trên 25,6 thuê bao/100 dân (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 15-20 thuê bao/100 người); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

- Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên địa bàn thị trấn Chợ Mới mở rộng đạt 100% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 90-95%); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông: 2,0/2,0 điểm.**

*** Tổng cộng đánh giá nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật: Đạt 11,41/14,0 điểm.**

II.2.5.3. Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường

a) Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng

- Mật độ đường cống thoát nước chính trên diện tích đất xây dựng đô thị là $12,5 \text{ km}/4,08 \text{ km}^2$ đạt $3,05 \text{ km}/\text{km}^2$ (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ $3,0-3,5 \text{ km}/\text{km}^2$); đánh giá đạt 1,55/2,0 điểm.

- Giải pháp phòng chống, giảm ngập úng đô thị: hiện trạng đã có giải pháp quy hoạch (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ tối thiểu Có giải pháp đến đang triển khai thực hiện); đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng: Đạt 2,3/3,0 điểm.**

b) Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải

- Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại từ hoạt động sản xuất công nghiệp được thu gom và xử lý đạt trung bình 95% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 70-85%); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt 15%, (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 15-25%); đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.

- Tỷ lệ chất thải rắn khu vực đô thị được thu gom: hiện trạng 95% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 70-80%); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

- Tỷ lệ chất thải rắn khu vực đô thị được xử lý hợp vệ sinh (chôn lấp hợp vệ sinh, tái chế, công nghệ đốt) đạt 30% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 65-70%); đánh giá chưa đạt 0,0/1,0 điểm.

- Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý: CTR y tế tại trung tâm y tế đã có lò đốt chất thải; tất cả các cơ sở y tế hàng tháng đều vận chuyển lượng rác thải đến xí nghiệp môi trường đô thị tập kết và định kỳ Công ty môi trường đô thị An giang đưa về Bình Hòa xử lý riêng. Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý đạt 95% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 90-95%); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải: Đạt 3,75/5,0 điểm.**

c) Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ

- Về nhà tang lễ, trên địa bàn đô thị hiện chưa có nhà tang lễ; đánh giá chưa đạt 0,0/1,0 điểm.

- Hiện nay, người dân trên địa bàn sau khi mất được đưa về cơ sở hỏa táng tại thành phố Châu Đốc để hỏa táng; tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 5%, (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 5-10%); đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá các tiêu chuẩn về nhà tang lễ: Đạt 0,75/2,0 điểm.**

d) Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị

- Tổng diện tích cây xanh mặt nước toàn đô thị là 354.469 m². Bình quân đất cây xanh đô thị trên dân số khu vực đô thị là 354.469 m²/50.712 người, đạt 6,99 m²/người (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 5-7 m²/người); đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

- Diện tích đất cây xanh công cộng khu vực đô thị dự kiến là 334.229 m²; bình quân diện tích cây xanh công cộng trong khu vực đô thị là 334.229 m²/50.712 người, đạt 6,59 m²/người (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 4-5 m²/người); đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị: Đạt 4,0/4,0 điểm.**

*** Tổng cộng đánh giá nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường: Đạt 10,80/14,0 điểm.**

II.2.5.4. Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị

a) Tiêu chuẩn về quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị

Hiện nay thị trấn Chợ Mới mở rộng chưa có quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị (yêu cầu đối với đô thị loại IV tối thiểu đã có quy chế); đánh giá chưa đạt 0,0/2,0 điểm.

b) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính

Trên địa bàn đô thị có nhiều tuyến phố đã được đầu tư cải tạo, chỉnh trang, đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí là các tuyến phố văn minh của đô thị (có hệ thống chiếu sáng, thoát nước, vỉa hè, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn giao thông). Tỷ lệ tuyến phố văn minh trên tổng số đường chính là 11/15 đạt 73,3% (chỉ tiêu 30-40%); đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

c) Số lượng dự án cải tạo chỉnh trang đô thị

Hiện thị trấn Chợ Mới mở rộng đã thực hiện dự án cải tạo chỉnh trang đô thị như: khu dân cư Sao Mai Chợ Mới, khu dân cư Long Điền B, khu dân cư Chợ Thủ đã hoàn thành (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ có dự án đến đã thực hiện); đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

d) Số lượng không gian công cộng của đô thị

Chợ Mới hiện có 03 không gian công cộng: Công viên thị trấn Chợ Mới, Sân vận động, Nhà thi đấu thể thao (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 2-4 khu); đánh giá đạt 1,75/2,0 điểm.

e) Công trình kiến trúc tiêu biểu

Trên địa bàn đô thị hiện có 03 công trình di tích cấp tỉnh là Dinh Nguyễn Hữu Cảnh, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Long Hòa (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ tối thiểu có di tích đạt cấp tỉnh cho tới cấp quốc gia); đánh giá đạt 1,5/2,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc cảnh quan đô thị: Đạt 7,25/10,0 điểm**

II. 2.5.5. Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị

Do thị trấn Chợ Mới mở rộng không có khu vực ngoại thị nên các tiêu chuẩn đánh giá khu vực ngoại thị đạt điểm tối đa.

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chuẩn khu vực ngoại thị: Đạt 12,0/12,0 điểm**

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị: Đạt 46,95/60,0 điểm**

II.3. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị thị trấn Chợ Mới mở rộng

TT	Các tiêu chí đánh giá	Thang điểm	Đánh giá điểm
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	15,0-20	15,54
II	Quy mô dân số	6,0-8,0	7,51
III	Mật độ dân số	4,5-6,0	6,00
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,5-6,0	5,07
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	45,0-60,0	46,95
	Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị	75-100	81,07

Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị thị trấn Chợ Mới mở rộng (2018): 81,07/100 điểm

(Yêu cầu tối thiểu 75/100 điểm để được nâng lên đô thị loại IV)

II.4. Những chỉ tiêu chưa đạt và các biện pháp khắc phục

II.4.1. Các chỉ tiêu chưa đạt so với tiêu chuẩn của đô thị loại IV

Thị trấn Chợ Mới mở rộng cơ bản đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của một đô thị loại IV. Tuy nhiên hiện còn một số tiêu chuẩn chưa đạt cần được khắc phục trong thời gian tới như:

- Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (hiện trạng 0,98%; yêu cầu 1-1,4%).

- Diện tích sàn nhà ở bình quân (hiện trạng 15,85 m² sàn/người; yêu cầu 26,5-29 m² sàn/người).
- Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (hiện trạng 1,78 m²/người; yêu cầu 1-1,5 m²/người).
- Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở (hiện trạng 0,89 m²/người; yêu cầu 3-4 m²/người).
- Công trình văn hóa cấp đô thị (hiện trạng có 1 công trình; yêu cầu 2-4 công trình).
- Mật độ đường giao thông (MC lòng đường $\geq 7,5\text{m}$) (hiện trạng 2,5 km/km²; yêu cầu 6-8 km/km²).
- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt đô thị (hiện trạng 61,5 lít/người.ngày đêm; yêu cầu 100-120 lít/người.ngày đêm).
- Tỷ lệ CTR được xử lý hợp vệ sinh (hiện trạng 30%; yêu cầu 65-70%).
- Chưa có dự án xây dựng nhà tang lễ (yêu cầu tối thiểu có dự án xây dựng nhà tang lễ).
- Chưa có Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị.

II.4.2. Các biện pháp khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt theo tiêu chí đô thị loại IV

Từ việc đánh giá thực trạng phát triển đô thị, rà soát các nội dung từ các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành như: quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh An Giang và huyện Chợ Mới, quy hoạch xây dựng vùng Tỉnh An Giang, Quy hoạch chung đô thị Chợ Mới, và các quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành; từ đó đưa ra các nhóm giải pháp đề xuất theo các mục tiêu đề ra hướng tới hoàn thiện các tiêu chuẩn, chỉ tiêu của đô thị loại IV.

1. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm: Định hướng khuyến khích các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ lưu trú phát triển để gia tăng dân số cơ học. Phát huy thế mạnh thương mại, dịch vụ với việc đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại; xây dựng các khu dân cư nhằm gia tăng dân số cơ học.

2. Diện tích sàn nhà ở bình quân: Kêu gọi đầu tư tiếp tục triển khai các dự án khu đô thị trung tâm Chợ Mới sẽ tập trung xây dựng các công trình công cộng, thương mại dịch vụ có hình khối lớn và hiện đại, đồng bộ và các khu ở biệt thự mật độ xây dựng vừa phải. Tầng cao trung bình từ 2-3 tầng đối với công trình nhà ở, 3-5 tầng đối với công trình nhà ở liền kề, nhà phố thương mại và tối đa 10 tầng đối với công trình thương mại dịch vụ như: trung tâm thương mại, siêu thị, ngân hàng, tài chính...; Đầu tư xây dựng khu Đô thị nông nghiệp dịch vụ Kiến An nhằm phát triển thêm 02 khu ở mới với diện tích 5,46 ha trong đó chủ yếu nhà ở mật độ thấp đồng thời tại các trục chính ưu tiên xây dựng nhà liền

kết hợp dịch vụ thương mại sẽ đáp ứng tỉ lệ diện tích sàn nhà ở bình quân tối thiểu 26,5 m²/người theo tiêu chuẩn của đô thị loại IV.

3. Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị và Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở: tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng các công trình cơ quan trụ sở hành chính, các công trình văn hóa; Phát triển mới trung tâm thương mại gắn với trục đường lộ vòng cung và tuyến đường nối từ bến xe Chợ Mới xuống kênh ranh xã và khu TTTM trên nền bến xe Chợ Mới. Hình thành các trục không gian xanh, không gian công cộng dọc bờ sông Tiền, rạch Ông Chưởng và kênh ranh xã. Bổ sung các không gian công viên cây xanh trong lõi các khu ở hiện hữu trên cơ sở chuyển đổi các quỹ đất xen kẹt và tổ chức mới tại lõi các khu ở mới với tổng quy mô 8,19 ha đáp ứng tiêu chuẩn về diện tích đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị và đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở.

4. Công trình văn hóa cấp đô thị: Hiện tại đô thị đã có sân vận động, trung tâm văn hóa TDTT huyện Chợ Mới và quảng trường công viên cây xanh trung tâm. Tiếp tục hoàn thiện các cơ sở này trên cơ sở cải tạo, chỉnh trang bổ sung trang thiết bị để đảm bảo nhu cầu cho người dân đô thị và đầu tư xây dựng mới trung tâm văn hóa thiếu nhi huyện Chợ Mới tại khu vực phía Nam bến xe khách huyện Chợ Mới – quy mô 1,6 ha theo định hướng quy hoạch chung đô thị.

5. Mật độ đường giao thông: Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp từ đường tỉnh 942 đoạn qua khu vực thị trấn mở rộng, và các tuyến đường tỉnh còn lại (ĐT 952, Đường huyện Kênh Thần Nông – huyện Phú Tân). Nâng cấp các tuyến giao thông trong đô thị như tuyến: ĐT.942; ĐT.946; đường Nguyễn Hữu Cánh và các đường liên khu vực thành các tuyến đường chính của đô thị với mặt cắt lòng đường $\geq 7,5\text{m}$. Xây dựng, bố trí các tuyến giao thông công cộng (xe buýt) đi TP Long Xuyên và các đô thị trong tỉnh.

6. Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt đô thị: Hiện nay chỉ tiêu cấp nước mới đạt 61,5 lít/người.ngày đêm; yêu cầu 100-120 lít/người.ngày đêm. Huyện Chợ Mới có nguồn nước mặt khá dồi dào được cung cấp từ các con sông lớn chảy qua địa phận tỉnh là sông Tiền dài 80km, sông Hậu dài 100km và sông Vàm Nao dài 7km. Thời gian tới tiến hành nâng cấp trạm cấp nước hiện có 4.000 m³/ngđ (hiện nay) lên công suất 8.000 m³/ngđ (đến năm 2025) và 12.000 m³/ngđ (đến năm 2030). Tiếp tục khai thác nguồn nước sông Tiền cấp cho trạm cấp nước.

7. Tỷ lệ CTR được xử lý hợp vệ sinh: Thực hiện điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn toàn tỉnh An Giang, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện dự án xây mới khu xử lý chất thải rắn Kênh 10, diện tích 18ha, đặt tại phía Tây thành phố Châu Đốc. Khi dự án hoàn thành sẽ xử lý toàn bộ lượng CTR công nghiệp, CTR nguy hại của thành phố Châu Đốc và thị trấn Chợ Mới mở rộng, đảm bảo

tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực thị trấn Chợ Mới mở rộng được xử lý hợp vệ sinh đạt trên 65%; tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt trên 70%.

8. Chưa có dự án xây dựng nhà tang lễ: Nghiên cứu đề xuất xây dựng 01 nhà tang lễ tại thị trấn Chợ Mới để phục vụ chung cho toàn Huyện, hiện nay do diện tích đất ở trong các khu dân cư có quy mô lớn và tùy theo phong tục tập quán tổ chức tang lễ cũng như nhu cầu thực tế của người dân đô thị sẽ tiến hành huy động nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư xây dựng nhà tang lễ trên địa bàn.

9. Chưa có Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện sẽ lập và trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị Chợ Mới theo đúng quy hoạch chung đô thị Chợ Mới đến năm 2035 đã được phê duyệt.

Ngoài ra, để nâng cao chất lượng đô thị, tiếp tục thực hiện một số giải pháp sau:

Về giải pháp gia tăng dân số, cần định hướng khuyến khích các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ lưu trú phát triển để gia tăng dân số cơ học. Do thị trấn Chợ Mới mở rộng được định hướng sẽ phát triển thành đô thị thương mại – dịch vụ kết hợp công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp nên sẽ thu hút một lượng lớn lao động và du khách. Các cấp chính quyền cần tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư đến xây dựng nhà xưởng, nhà máy sản xuất tại các khu, cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất công nghiệp, tăng tỷ lệ nông thủy sản được chế biến, giải quyết việc làm cho người lao động.

Về hệ thống cơ sở hạ tầng cần tiếp tục thực hiện các dự án cải tạo, nâng cấp để tạo bộ mặt khang trang cho đô thị. Hoàn thiện, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống công trình y tế, văn hóa, khu vui chơi giải trí và các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn.

Về thương mại - dịch vụ: Nâng cấp và chỉnh trang chợ Chợ Mới và chợ Kiến An xây dựng chợ văn minh thương mại. Đồng thời tiếp tục phát triển quỹ đất phía trước chợ Chợ Mới thành trung tâm thương mại, mua sắm cho người dân đô thị. Phát triển mới trung tâm thương mại gần với trục đường lộ vòng cung và tuyến đường nối từ bến xe Chợ Mới xuống kênh ranh xã và phát triển trung tâm thương mại trên nền bến xe Chợ Mới cũ trên cơ sở chuyển đổi chức năng. Khuyến khích phát triển các loại hình thương mại kết hợp ở lô phố trên các tuyến đường chính.

Về công trình giáo dục: Hệ thống giáo dục đào tạo toàn đô thị đã cơ bản được đầu tư xây dựng bài bản với 18 cơ sở cùng với trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang (cơ sở 2); 1 trường trung học phổ thông (trường PTTH Nguyễn Hữu Cánh). Các cơ sở giáo dục đã được đầu tư xây dựng với quy mô

đúng quy chuẩn, có đầy đủ các phòng chức năng và tiếp tục tăng ở tất cả các bậc học, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng lớn của người dân đô thị. Để hoàn thiện sẽ tiếp tục tăng cường cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, phòng học đảm bảo 100% phòng học được kiên cố hóa, nâng cao số lượng trường học đạt chuẩn quốc gia. Hoàn thiện hệ thống công trình giáo dục cấp khu ở.

Về công trình y tế: Đầu tư cơ sở vật chất cho các công trình y tế trên địa bàn (trung tâm y tế huyện Chợ Mới, mở rộng quy mô thành 2,5 ha và tăng quy mô số giường bệnh lên 200 giường; cải tạo trạm y tế xã Kiến An...), nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân địa phương; hoàn thiện hệ thống xử lý rác thải, nước thải trung tâm y tế huyện.

Về cấp điện: Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa những tuyến đã quá xuống cấp, quá tải. Lập dự án hoàn thiện toàn bộ mạng lưới chiếu sáng đô thị gồm cả đường phố chính và ngõ hẻm, hiện đại hóa hệ thống chiếu sáng theo tiêu chí tiết kiệm, tận dụng năng lượng tái tạo. Đảm bảo tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng trên 70%.

Về thoát nước: Xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống công thoát nước trên các tuyến đường chính. Từng bước bổ sung hệ thống cống thoát nước cho các tuyến đường nội bộ khu dân cư. Yêu cầu tất cả các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm phải đảm bảo yêu cầu về chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

III. Kết luận và kiến nghị

Đề án đề nghị công nhận Thị trấn Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV cơ bản đã tuân thủ theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc phân loại đô thị. Qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị theo tiêu chí, tiêu chuẩn hướng dẫn, thị trấn Chợ Mới mở rộng đạt 81,07/100 điểm. Thị trấn Chợ Mới mở rộng nhận thấy đã hội đủ các yếu tố, tiêu chí để được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân Tỉnh có Nghị quyết thông qua, và trình Bộ Xây dựng công nhận thị trấn Chợ Mới mở rộng, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV./.

Phụ lục: Tổng hợp đánh giá các chỉ tiêu phân loại thị trấn Chợ Mới mở rộng

TT	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại IV		Hiện trạng 2018	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		15,00	20,00				15,54
1.1	Vị trí, chức năng, vai trò		3,75	5,00	Là DT thuộc Tỉnh, trung tâm chuyên ngành cấp Tỉnh, trung tâm tổng hợp cấp huyện	Là DT trực thuộc Tỉnh, trung tâm tổng hợp cấp Tỉnh; hoặc DT trực thuộc TP trực thuộc TW	Là DT hạt nhân vùng 2 của tỉnh, kết nối hành lang phía Đông của tỉnh	3,75
1.2	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		11,25	15,00				11,79
1.2.1	Cân đối thu chi ngân sách		1,50	2,00	Đủ	Dư	Dư	2,00
1.2.2	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước	lần	2,25	3,00	0,7	1,05	0,95	2,79
1.2.3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế		2,25	3,00	Tăng tỷ trọng CN, XD hoặc tăng tỷ trọng DV giảm nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra (1)	Tăng tỷ trọng CN, XD, DV, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra (2)	Tăng tỷ trọng CN, XD, DV	3,00
1.2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	1,50	2,00	5,5	6	6,50	2,00
1.2.5	Tỷ lệ hộ nghèo	%	1,50	2,00	9	7	2,35	2,00
1.2.6	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm	%	2,25	3,00	1	1,4	0,98	0,00
II	Quy mô dân số		6,00	8,00				7,51
2.1	Dân số toàn đô thị	1000 người	1,50	2,00	50	100	50,7	1,51
2.2	Dân số nội thị	1000 người	4,50	6,00	20	50	50,7	6,00
III	Mật độ dân số		4,50	6,00				6,00

TT	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của ĐT loại IV		Hiện trạng 2018	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
3.1	Mật độ dân số toàn đô thị	người/km ²	1,00	1,50	1200	1400	2628	1,50
3.2	Mật độ dân số khu vực nội thị	người/km ²	3,50	4,50	4000	6000	12426	4,50
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	4,50	6,00				5,07
4.1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	1,00	1,50	55	65	70,7	1,50
4.2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	3,50	4,50	70	80	70,7	3,57
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị		45,00	60,00				46,95
5.1	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội		7,50	10,00				5,49
5.1.1	Các tiêu chuẩn về nhà ở		1,50	2,00				0,85
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	m ² sàn/người	0,75	1,00	26,5	29	15,85	0,00
2	Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thị	%	0,75	1,00	85	90	86,6	0,85
5.1.2	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng		6,00	8,00				4,64
1	Chỉ tiêu đất dân dụng	m ² /người	0,75	1,00	61	78	70,6	0,89
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị	m ² /người	0,75	1,00	3	4	1,78	0,00
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở	m ² /người	0,75	1,00	1	1,5	0,89	0,00
4	Cơ sở y tế cấp đô thị	giường/ 1000ng	0,75	1,00	2,4	2,8	2,96	1,00
5	Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị	cơ sở	0,75	1,00	2	4	2	0,75
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	2	4	1	0,00
7	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	2	3	3	1,00
8	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	2	4	4	1,00
5.2	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật		10,50	14,00				11,41
5.2.1	Các tiêu chuẩn về giao thông		4,50	6,00				4,68
1	Đầu mối giao thông	cấp	1,50	2,00	Vùng liên huyện	Vùng tỉnh	Vùng tỉnh	2,00

TT	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại IV		Hiện trạng 2018	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	%	0,75	1,00	12	17	15,53	0,93
3	Mật độ đường giao thông (MC lòng đường $\geq 7,5\text{m}$)	km/km ²	0,75	1,00	6	8	2,50	0,00
4	Diện tích đất giao thông/dân số	m ² /người	0,75	1,00	7	9	12,49	1,00
5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	0,75	1,00	3	5	3,00	0,75
5.2.2	Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng		2,25	3,00				2,73
1	Cấp điện sinh hoạt	kwh/ng/năm	0,75	1,00	350	500	747	1,00
2	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	0,75	1,00	90	95	93,3	0,92
3	Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng	%	0,75	1,00	50	70	55,0	0,81
5.2.3	Các tiêu chuẩn về cấp nước		2,25	3,00				2,00
1	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt nội thị	l/ng.ngđ	0,75	1,00	100	120	61,5	0,00
2	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch khu vực đô thị	%	1,50	2,00	90	95	95,1	2,00
5.2.4	Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông		1,50	2,00				2,00
1	Số thuê bao internet (băng rộng cố định và di động)	thuê bao int/100ng	0,75	1,00	15	20	25,6	1,00
2	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động/dân số	%	0,75	1,00	90	95	100,0	1,00
5.3	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường		10,50	14,00				10,80
5.3.1	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng		2,25	3,00				2,30
1	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	1,50	2,00	3	3,5	3,05	1,55
2	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	%	0,75	1,00	Có giải pháp	Đang thực hiện	Có giải pháp	0,75
5.3.2	Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải		3,75	5,00				3,75
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	0,75	1,00	70	85	95,00	1,00
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	0,75	1,00	15	25	15,0	0,75

TT	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của ĐT loại IV		Hiện trạng 2018	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
3	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom	%	0,75	1,00	70	80	95,0	1,00
4	Tỷ lệ CTR được xử lý hợp vệ sinh	%	0,75	1,00	65	70	30,0	0,00
5	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	0,75	1,00	90	95	95	1,00
5.3.3	Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ		1,50	2,00				0,75
1	Nhà tang lễ	cơ sở	0,75	1,00	Có dự án	1	Chưa có dự án	0,00
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	0,75	1,00	5	10	5	0,75
5.3.4	Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị		3,00	4,00				4,00
1	Đất cây xanh toàn đô thị	m2/người	1,50	2,00	5	7	6,99	2,00
2	Đất cây xanh công cộng khu vực đô thị	m2/người	1,50	2,00	4	5	6,59	2,00
5.4	Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị		7,50	10,00				7,25
1	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị		1,50	2,00	Đã có quy chế	Đã có quy chế tối thiểu 2 năm	Chưa có quy chế	0,00
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh/tổng số đường chính	%	1,50	2,00	30	40	73,3	2,00
3	Số lượng dự án cải tạo chỉnh trang đô thị	dự án	1,50	2,00	Có dự án	1	Đã thực hiện	2,00
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	khu	1,50	2,00	2	4	3	1,75
5	Công trình kiến trúc tiêu biểu		1,50	2,00	Cấp tỉnh	Quốc gia	Cấp tỉnh	1,50
5.5	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thị		9,00	12,00				12,00
	Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị		75,00	100,00				81,07

Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị thị trấn Chợ Mới mở rộng (2018): 81,07/100 điểm.